TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH TT H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**271**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 16 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lA số 278/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 12, Ấp Nhơn Thọ 1A, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Thai Dương Thượng Tây, xã Hải Dương, thành phố H, tỉnh TT H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi A kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N.

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về tình cảm: Anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N thuận tình ly hôn nhau.

2.2.Về con chung: Anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 12/8/2014. Hiện cháu Trúc Quỳnh đang ở với anh A. Nay ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Trúc Quỳnh và theo thỏa thuận của anh A và chị N là giao cháu Phan Nguyễn Trúc

Quỳnh cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trúc Quỳnh đủ 18 tuổi. Anh A không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3.Về tài sản chung: Anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.5.Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị Thu N mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nay anh A tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình của cả 02 người là 150.000 đồng. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số 0005801 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nên nay khấu trừ và được nhận lại 150.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H:
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (số đăng kA kết hôn số 10, ngày 24/01/2014);
- Tổ Hành chính –Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ TÚ LOAN